TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 -VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST Ngày: 23/7/2026. V/v Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 -VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Bà Nguyễn Thị Hồng Thảo.
2/. Bà Nguyễn Thị Bé Riêng.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Phước Thành –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 -Vĩnh Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 -Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 -Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2026/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc "Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2026/QĐXXST-HN ngày 30 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Trần Đông P, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Bảo N trình bày: *Về hôn nhân***:** Chị với anh Trần Đông P xác lập hôn nhân là do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Long P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ). Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày trong công việc làm ăn, đi lại, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ đầu tháng 01 năm 2026 cho đến nay.

- *Về nuôi con*: có 01 người tên Trần Đông Q, sinh ngày 24/10/2023.

- *Về tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có thiếu nợ ai.

Nay, về hôn nhân, chị N yêu cầu được ly hôn, về con chung tên Trần Đông Quân: chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Phương phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung của vợ chồng, về nợ chung phải thu phải trả không đặt ra để yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Trần Đông Phương trình bày:

- *Về hôn nhân:* Quá trình xác lập hôn nhân lời trình bày của chị N là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn lời trình bày của chị N có một phần không đúng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có cự cãi qua lại, hiện tại 02 vợ chồng vẫn còn sống chung với nhau.

- *Về nuôi con*: có một người tên Trần Đông Q, sinh ngày 24/10/2023.

- *Về tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có thiếu nợ ai.

Nay, về hôn nhân chị Ni yêu cầu ly hôn, anh P mong muốn vợ chồng đoàn tụ lại. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn, về con chung anh P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung của vợ chồng, về nợ chung phải thu phải trả không đặt ra để yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, các đương sự không bổ sung cung cấp chứng cứ gì mới.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 -Vĩnh Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bảo N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Bảo N được ly hôn với anh Trần Đông P. *Về con chung*: chị Nguyễn Thị Bảo N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Đông Q, sinh ngày 24/10/2023; *về cấp dưỡng nuôi con*: chị N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét. *Về tài sản chung, về nợ chung*: các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Ngoài ra, Vị còn đề nghị buộc đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về xác định quan hệ tranh chấp***: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án " *Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

[2.1] ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Nguyễn Thị Bảo N và anh Trần Đông P đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Long P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ) vào 05/8/2022 theo quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bảo N và anh Trần Đông P là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] ***Xét về nguyên nhân mâu thuẫn***: chị N cho rằng do bất đồng quan điểm, trong công việc làm ăn, đi lại, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra cự cãi, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, anh P có hành vi bạo lực gia đình làm cho vợ chồng sống không hạnh phúc mà không thể khắc phục, từ đó chị N xin ly hôn. Anh P cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng thừa nhận trước đây có hành vi bạo lực gia đình nhưng sự việc xảy ra đã lâu và hiện nay anh P đã khắc phục.

Xét thấy, quá trình chung sống hai bên đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh P có hành vi bạo lực gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định không còn tình cảm gì với anh P và cương quyết ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được*". Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bảo N. Cho chị Nguyễn Thị Bảo N được ly hôn với anh Trần Đông P.

[2.3] ***Về con chung*:** có một người tên: Trần Đông Q, sinh ngày 24/10/2023, chị N, anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Việc giao cháu Trần Đông Q cho chị N, anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng cần xem xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho cháu Trần Đông

Q. Xét về điều kiện kinh tế, chị N và anh P đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Đông Q. Tuy nhiên, do cháu Trần Đông Q chưa đủ 36 tháng tuổi cho nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Đông Q cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình

[2.4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị N chưa đặt ra để yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về tài sản chung*: chị N, anh P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: chị N, anh P xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.7] *Về án phí:* Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị N có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

[2.8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bảo N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Bảo N được ly hôn với anh Trần Đông P.

- *Về nuôi con*: Chị Nguyễn Thị Bảo N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Đông Q, sinh ngày 24/10/2023.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế việc thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị N chưa đặt ra yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị N, anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị N, anh P xác định không có, nên không xem xét.

- *Về án phí*: chị Nguyễn Thị Bảo N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008953 ngày 12/5/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu, Chị Nguyễn Thị Bảo N đã nộp đủ tiền án phí. Anh Trần Đông P không phải chịu án phí.

2. Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34. 36, 71,72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Sa Rên

Nơi nhận:
-TAND tỉnh.
-VKSND cùng cấp, tỉnh.
-THADS tỉnh Vĩnh Long.
-Các đương sự.
-Lưu.

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi . . . giờ . . . phút, ngày 20 tháng 4 năm 2023.
Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Đoàn Trung Thống.
2/. Ông Nguyễn Thành Công.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân thụ lý số: 452/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về vụ: "Tranh chấp ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Văn, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp Long Hội, xã Tân An, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Sinh, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp 8A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử có các ý kiến thảo luận như sau:

Ý kiến thảo luận của Hội thẩm Nguyễn Thành Công: Xét thấy, anh Phạm Văn Văn và chị Nguyễn Thị Sinh đã ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay và trong thời gian chung sống với nhau, anh Văn không có quan tâm, chia sẽ gì với chị Sinh dẫn đến việc chị Nguyễn Thị Sinh sống không hạnh phúc kể từ sau ngày cưới cho đến nay. Từ đó, cho thấy tình trang hôn nhân giữa anh Văn và chị Sinh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định " *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân*

không đạt được". Hơn nữa, tại phiên tòa, anh Văn cho rằng không còn có tình cảm gì với chị Sinh, giã sử pháp luật không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì cũng không trở về chung sống với chị Sinh cho nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Văn. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Văn được ly hôn với chị Sinh.

Ý kiến thảo luận của Hội thẩm Đoàn Trung Thống: Thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn Văn được ly hôn với chị Nguyễn Thị Sinh.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến thảo luận của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Thống nhất theo ý kiến của các vị hội thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :

***Về điều luật áp dụng :** Thống nhất 100% tức (3/3) quyết định :

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều Điều 19, 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Về nội dung vụ án:** Thống nhất 100% tức (3/3) quyết định.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Văn.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Phạm Văn Văn được ly hôn với chị Nguyễn Thị Sinh.

- *Về con chung*: Không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Anh Văn, chị Sinh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung:phải thu, phải trả*: Không có, nên không xem xét.

- *Về án phí*: Anh Phạm Văn Văn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012916 ngày 17/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, Anh Phạm Văn Văn đã nộp đủ tiền án phí. Chị Nguyễn Thị Sinh không phải chịu án phí.

2. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nghị án kết thúc vào hồi . . . giờ . . . phút, ngày 20 tháng 4 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thắng **Nguyễn Thị Hồng Thảo** **Huỳnh Sa Rên**